TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2022/HNGĐ-ST
Ngày 09/5/2022.
V/v: Ly hôn giữa chị Trần Thị Thu N và anh Hà Vĩ L.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Công.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cầm Văn Nam và bà Phạm Thị Tư.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Văn Dự là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021, về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXX-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị Thu N**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số nhà 21 C, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

2. *Bị đơn*: Anh **Hà Vĩ L,** sinh năm 1995

Địa chỉ: Số nhà 31/1 P, Phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2021, các lời khai trong qúa trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thu N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị và anh Hà Vĩ L về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014, sau khi sinh con được 01 tháng thì đi đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh lâm Đồng ngày 01/12/2015, kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc và có làm đám cưới theo phong tục tập, tập quán. Trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu được 02 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với gia đình chồng tại số 31/1 P, Phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình sống chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L tuổi đời con trẻ, không chịu tìm kiếm việc làm để lo kinh tế gia đình, một mình chị phải lo kinh tế gia đình, nuôi dạy con cái nên vợ chồng xảy ra cãi nhau thường xuyên. Ngoài ra, giữa chị và gia đình chồng cũng xảy ra mâu thuẫn. Đầu năm 2016 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, mỗi người ở riêng một nơi, mạnh ai

nấy sống, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có, hôn nhân không hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, có họ và tên là Hà Gia B, sinh ngày 16/11/2015, hiện tại đang ở với chị. Khi ly hôn nguyện vọng của chị xin nuôi con chung. Chị làm nghề nấu ăn, thu nhập bình quân 01 tháng từ 6.000.000đ – 7.000.000đ, chị đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

- Về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau: Thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, Viện kiểm sát kiến nghị: Tòa án không lưu thông báo về quyền lựa chọn hòa giải và hòa giải viên, không đính kèm danh sách hòa giải viên trong hồ sơ vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư số 03/2020/TT-TANDTC ngày 16/11/2020 của Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án chậm thụ lý đơn khởi kiện 04 tháng vi phạm quy định tại Điều 191 Bộ luật tố tụng dân sự. Vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử 01 tháng 15 ngày theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về … án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị Thu N về ly hôn đối với bị đơn anh Hà Vĩ L. Về con chung: Có 01 con chung là Hà Gia B, sinh ngày 16/11/2015, chị N có nguyện vọng nuôi con nên giao con chung cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp, chị N đủ điều kiện nuôi con không yêu cầu anh L cấp dưỡng nên không xem xét; về tài sản chung: không có; nợ chung: không có nên không xem xét; về án phí: chị Trần Thị Thu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

1.1. Chị Trần Thị Thu N và anh Hà Vĩ L kết hôn với nhau vào ngày 01/12/2015, có đăng ký tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 151/2015, quyển số 01/2014. Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Hà Vĩ L. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp về: "Ly hôn".

1.2. Bị đơn anh Hà Vĩ L, ở địa chỉ: Số nhà 35/1 P, Phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

1.3. Nguyên đơn Trần Thị Thu N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hà Vĩ L chống đối, không hợp tác làm việc. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Thu N và anh Hà Vĩ L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sống chung theo chị Trần Thị Thu N xác định: Nguyên nhân mâu vợ chồng là do anh L tuổi đời còn trẻ, không chịu tìm kiếm việc làm để lo kinh tế gia đình, một mình chị N phải lo kinh tế gia đình, nuôi dạy con cái nên vợ chồng xảy ra cãi nhau thường xuyên. Ngoài ra, giữa chị N và gia đình chồng cũng xảy ra mâu thuẫn. Đầu năm 2016 cho đến nay, vợ chồng chị N, anh L sống ly thân, mỗi người ở riêng một nơi, mạnh ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến nhau nữa.

Tại biên bản xác minh ghi ngày 28/3/2022 đối với ông Huỳnh Văn T là Tổ Trưởng tổ dân phố 11, Phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, có nội dung: Về tình trạng hôn nhân thì địa phương không nắm bắt được. Anh Hà Vĩ L, sinh năm 1995 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 11, Phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại văn bản ngày 20/4/2022 đối với bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1961 là mẹ ruột của chị Trần Thị Thu N, có nội dung: Vợ chồng chị N, anh L kết hôn năm 2015 và về chung sống tại gia đình nhà chồng, tại tổ 11 đường P, Phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, anh L không có việc làm nên kinh tế gia đình khó khăn, không đủ trang trải trong cuộc sống, dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau và gây mâu thuẫn với gia đình chồng. Từ năm 2016 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, từ khi ly thân anh L không quan tâm đến mẹ con chị N. Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét hôn nhân giữa chị N và anh L lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng chị N và anh L đã sống ly thân nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn lại gia đình. Vì vậy, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho Trần Thị Thu N được ly hôn với anh Hà Vĩ L.

2.2. Về con: Vợ chồng chị N, anh L có 01 con chung, có họ và tên là Hà Gia B, sinh ngày 16/11/2015, hiện tại đang ở với chị N. Xét nguyện vọng của chị N xin nuôi con chung nên chấp nhận. Chị N làm nghề nấu ăn, thu nhập bình quân từ 6.000.000đ – 7.000.000đ/tháng, chị N đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nên không xem xét.

2.3. Về tài sản chung: Chị N trình bày không có nên không xem xét.

2.4. Về nợ chung: Chị N trình bày không có nên không xem xét.

[3] Từ những phân tích, căn cứ pháp luật nêu trên, kết luận: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị Thu N về "Ly hôn" đối với bị đơn anh Hà Vĩ L.

[4] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Thu N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội qui định về …án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị Thu N về "Ly hôn" đối với bị đơn anh Hà Vĩ L.

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thu N và anh Hà Vĩ L.

3. Về con chung: Giao 01 con chung có họ và tên là Hà Gia B, sinh ngày 16/11/2015 cho chị Trần Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Chị Trần Thị Thu N đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu anh Hà Vĩ L cấp dưỡng.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và khi có lý do chính đáng thì mức cấp dưỡng có thể thay đổi được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 00004599 ngày 15/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Chị Trần Thị Thu N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
+ Các đương sự;
+ VKSND Tp. B;
+ TAND tỉnh Lâm Đồng;
+ Chi cục T.H.A.DS. Tp. B;
+ UBND phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng;
+ Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Đức Công